

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Xã hội học Đại cương

Mã số: GSO 121

Số tín chỉ: 02

Ngành đào tạo: Thú y

Thái Nguyên, 2020

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 11 năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH:

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Xã hội học ĐC
- Tên tiếng Anh: General Sociology
- Mã học phần: GSO121
- Số tín chỉ: 2

- Module: 1

- Điều kiện tham gia học tập học phần:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết: (chỉ ghi tên môn học tiên quyết nếu có, nếu không có thì ghi "không")

*** Tên các học phần được nêu phải chuẩn xác theo khung CTĐT**

- Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30/0/90)

(trong đó: **n**: Số tín chỉ

a: số tiết lý thuyết trên lớp

b: số tiết học tại phòng LAB, hay thực tập máy tính hay thực hành xưởng, nếu không có ghi 0;

c: số tiết tự học, $c = n \times 15 \times 2$).

- Học phần thuộc khối kiến thức:

Cơ bản]		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Bổ trợ <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc]	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt]

II. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Đỗ Hương Giang**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
 - Bộ môn: Khoa học xã hội
 - Khoa: Khoa học cơ bản
 - Điện thoại: 0979 87 19 10 Email: nguyendohuonggiang@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Xã hội học năm 2008 tại Trường ĐH KHXH&NV – ĐH QGHN. Và bằng tiến sỹ ngành Xã hội học tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam năm 2018. Tôi bắt đầu là giảng viên và nghiên cứu viên của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2008. Hiện đang giảng dạy các môn Xã hội học đại cương, Kỹ năng mềm, Xã hội học về

giới, Xã hội học gia đình, Truyền thông và vận động xã hội, Giáo dục tình dục toàn diện. Công việc nghiên cứu hiện tại tập trung vào các vấn đề cơ bản như: Nghiên cứu về thanh niên, sinh viên: định hướng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, giáo dục tình dục toàn diện... ;Nghiên cứu về DTTS : vấn đề biến đổi văn hóa; vấn đề lao động việc làm, di cư lao động, hoà nhập xã hội của thanh niên; vấn đề biến đổi khí hậu... ; Nghiên cứu về giới, gia đình... Đã thực hiện 12 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, đang là thành viên chính của 01 đề tài UB dân tộc và 01 đề tài Nafosted. Tôi đã công bố hơn 30 bài báo, báo cáo trên tạp chí trong nước và quốc tế về chủ đề nghiên cứu và 01 cuốn sách chuyên khảo (Trong đó có 4 bài báo SCOPUS và 01 bài báo ESCI thuộc ISI đã được xuất bản); đang chủ biên 01 giáo trình Xã hội học đại cương. Là thành viên mạng lưới Tri thức trẻ toàn cầu, thành viên dự án Giáo dục tình dục toàn diện cho sinh viên Đại học Thái Nguyên, là thành viên Câu lạc bộ Hỗ trợ nữ sinh viên dân tộc thiểu số...

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Cao Đức Minh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0973515276; 0345566000; Email: caoducminh@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Xã hội học năm 2012 tại Trường ĐH KHXH&NV – ĐH QGHN. Tốt nghiệp thạc sĩ năm 2014 tại Học viện Khoa học Xã hội thuộc Viện Hàn lâm KHXH VN. Lĩnh vực nghiên cứu chính: xã hội học thanh niên, xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, các vấn đề biến đổi văn hóa, ứng phó với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số,...Tham gia viết giáo trình 01 giáo trình Xã hội học đại cương, chủ nhiệm 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và tham gia 01 đề tài của UB dân tộc về vấn đề di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số và tham gia một số các bài báo đăng trên tạp chí trong nước. Hiện đang là NCS tại Liên Bang Nga.

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Lèng Thị Lan**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 09891421696; Email: lengthilan@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Văn học năm 2001 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ năm 2005, tốt nghiệp tiến sĩ năm 2015 tại Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm KHXH VN. Lĩnh vực nghiên cứu chính là văn học/văn hóa/ xã hội học/kỹ năng mềm. Chủ trì và tham gia đăng tải 17 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong

và ngoài nước thuộc danh mục SCOPUS, chủ nhiệm 02 đề tài (cấp đại học và cấp cơ sở), tham gia 07 đề tài (02 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cấp cơ sở) với các nội dung nghiên cứu về: việc làm của thanh niên dân tộc thiểu số tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong phát triển nông thôn mới/ Vai trò giới trong phát triển kinh tế hộ gia đình/Kỹ năng mềm cho sinh viên Đại học Nông Lâm/ Vấn đề di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số. Chủ biên 01 sách chuyên khảo về đồng dao dân tộc thiểu số Việt Nam và tham gia viết 01 giáo trình Xã hội học đại cương.

III. Mô tả học phần

Học phần Xã hội học đại cương gồm 6 chương với 30 tiết lý thuyết, bài tập, thảo luận nhóm. Phần lý thuyết nhằm trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Phần bài tập, thảo luận: trên cơ sở những tri thức về lý thuyết giúp sinh viên vận dụng trong giải quyết các tình huống theo mỗi chủ đề xoay quanh các vấn đề xã hội. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng thảo luận nhóm, thuyết trình, xây dựng kế hoạch tổ chức hướng đến giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp.

IV. Mục tiêu học phần (Mỗi học phần viết không nên quá 4 mục tiêu, mỗi mục tiêu viết không quá 2 dòng)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả mục tiêu (<i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực
M1	Những kiến thức cơ bản về xã hội học, hệ thống các khái niệm, các vấn đề trong xã hội, một số lĩnh vực nghiên cứu xã hội học như nông thôn, đô thị, gia đình...	1	1
M2	Kỹ năng lập kế hoạch và thiết kế quá trình thực hiện nhiệm vụ độc lập hoặc theo nhóm trong bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp trong việc nhận diện các vấn đề xã hội.	6	1
M3	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo	8	1
M4	Thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, trung thực trong học tập, làm việc, thể hiện khả năng.	8	1

V. Chuẩn đầu ra học phần ($n = 4 - 6$ chuẩn đầu ra)

Mục tiêu học phần	Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chuẩn đầu ra (<i>sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được</i>)	Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực
M 1	C 1	Sinh viên biết các khái niệm xã hội học, chức	1	1

		năng của xã hội học, nhiệm vụ của xã hội học, hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội, vị thế xã hội, vai trò xã hội .		
	C 2	Nhận biết và phân tích được các hiện tượng bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội, sự biến đổi văn hoá Việt Nam, quá trình hình thành nhân cách cá nhân. Biết, hiểu về một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành của xã hội học như nông thôn, biến đổi xã hội nông thôn và quá trình xây dựng nông thôn mới	1	1
	C3	Biết cách thiết kế một nghiên cứu xã hội học, biết thực hành quan sát, phỏng vấn trong nghiên cứu KHXH. Biết áp dụng và phân tích, đánh giá để tăng kỹ năng phản biện và tổng hợp các ý kiến về vấn đề xã hội dưới góc độ xã hội học	1	1
M2	C4	Biết lập kế hoạch và thiết kế quá trình thực hiện nhiệm vụ độc lập hoặc theo nhóm trong bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp trong việc nhận diện các vấn đề xã hội.	6	1
M3	C5	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo được các vấn đề đã thực hiện được trong học phần.	8	1
M4	C6	Có ý thức học tập tốt, nghiêm túc, làm việc chăm chỉ, trung thực, cầu thị trong học tập, công việc.	8	1

Lưu ý: sự tương quan giữa mục tiêu của học phần với chuẩn đầu ra của học phần và tương quan với CDR của CTĐT.

Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần (tổng hợp từ bảng trên)

Mã học phần	Tên học phần	Mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của CTĐT)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
GSO121	Xã hội học Đc	1	-	-	-	-	1	-	1

Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần

Nội dung	Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần					
	C1	C2	C3	C4	C5	C6
Nội dung 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	b	b	a	a	b	c
Nội dung 2: Quan hệ xã hội và vai trò xã hội	b	b	b	b	b	c

Nội dung 3: Bất bình đẳng và phân tầng xã hội		b	b	b	b	c
Nội dung 4: Văn hóa và quá trình xã hội hóa		b		b	b	c
Nội dung 5: Biến đổi xã hội nông thôn và vấn đề xây dựng nông thôn mới hiện nay		b	b	b	b	c
Nội dung 6: Một số phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học		b	b	b	b	c

Ghi chú: C là mức năng lực cao nhất của học phần

VI. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	Chuẩn đầu ra HP	Trình độ năng lực	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Địa điểm giảng dạy
Nội dung 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	5					Giảng đường
1.1. Khái niệm Xã hội học	1	C1,C6	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm 	
1.2. Xã hội học và đối tượng nghiên cứu của xã hội học	1	C1,C6	2			
1.3. Chức năng của xã hội học	1	C1,C6	2			
1.4. Nhiệm vụ của môn xã hội học	0.5	C1,C6	2			
1.5. Điều kiện, tiền đề cho sự ra đời khoa học xã hội học	1	C1,C6	2			
1.6. Đóng góp của các nhà Xã hội học kinh điển	0.5	C1,C6	2			
	Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần I); [6] (phần I)					
Nội dung 2: Quan hệ xã hội và vai trò xã hội	5					Giảng đường
2.1. Hành động xã hội	0.5	C1, C4, C5,C6	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận 	<ul style="list-style-type: none"> - SV trình bày, GV đánh giá các câu trả 	
2.2. Tương tác xã hội	0.5	C1, C4, C5,C6	2			

2.3. Quan hệ xã hội	1	C1, C4, C5,C6	2	luận nhóm	lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	
2.4. Vị thế xã hội	1	C1, C4, C5,C6	2			
2.5. Vai trò xã hội	1	C1, C4, C5,C6	2			
2.6. Bài tập thảo luận 2.6.1. Vị thế và vai trò của nông dân trong xã hội hiện đại 2.6.2. Trách nhiệm xã hội của thanh niên/sinh viên Việt nam.	1	C1, C4, C5,C6		Thuyết trình có minh họa, động não, phát vấn		
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần 2); [6] (phần 2)						
Nội dung 3: Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	5			- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm	- SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	Giảng đường Nơi ở
3.1. Bất bình đẳng xã hội	1	C2, C4, C5,C6	2			
3.2. Tìm hiểu các hiện tượng bất bình đẳng đang tồn tại ở khu vực nông thôn. Phân tích nguyên nhân và thử đề nghị giải pháp khắc phục.	1	C2, C4, C5,C6		Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp		
3.3. Phân tầng xã hội	1	C2, C4, C5,C6	2	- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận		

				nhóm		
3.4. Thái độ và hành động của sinh viên để góp phần xây dựng phân tầng xã hội hợp thức.	1	C2, C4, C5,C6		Thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp		
3.5. Di động xã hội	0.5	C2, C4, C5,C6		- Thuyết trình có minh họa		
3.6. Nhóm xã hội	0.5	C2, C4, C5,C6		- Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm		
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần 2); [6] (phần 2)						
Nội dung 4: Văn hóa và quá trình xã hội hóa	5					Giảng đường
4.1. Văn hóa	1.5	C2, C4, C5,C6	2	- Thuyết trình có minh họa	- SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	
4.2. Văn minh đô thị và trách nhiệm của sinh viên ở khu vực đô thị hiện nay.	1	C2, C4, C5,C6		- Phương pháp hòa nhập tích cực		
4.3. Quá trình xã hội hóa	1.5	C2, C4, C5,C6	2	- Thảo luận nhóm		
4.4. Gia đình và nhà trường tác động đến quá trình xã hội hoá cá nhân như thế nào?	1	C2, C4, C5,C6				
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1],[2]; Tài liệu tham khảo [3] (phần 2); [6] (phần 2)						
Nội dung 5: Biến đổi xã hội nông thôn và vấn đề xây dựng nông thôn mới hiện nay	5					Giảng đường
5.1. Một số khái niệm	0.5	C2, C4, C5,C6		- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực	- SV trình bày, GV đánh giá các	

5.2. Biến đổi xã hội nông thôn trong quá trình đổi mới và hội nhập	1	C2, C4, C5,C6		- Thảo luận nhóm	câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	
5.3. Những biến đổi về kinh tế xã hội ở nông thôn Việt Nam từ 1986 đến nay.	1	C2, C4, C5,C6				
5.4. Chiến lược xây dựng nông thôn mới của Nhà nước Việt Nam hiện nay	1	C2, C4, C5,C6				
5.5. Những điểm mạnh và hạn chế của Chiến lược xây dựng nông thôn mới của Nhà nước Việt Nam	1.5	C2, C4, C5,C6				
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [3]; [6]						
Nội dung 6: Một số phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học	5					Giảng đường
6.1. Phương pháp nghiên cứu xã hội học là gì?	0.5	C3, C4, C5,C6	2	- Thuyết trình có minh họa - Phương pháp hòa nhập tích cực - Thảo luận nhóm	- SV trình bày, GV đánh giá các câu trả lời. - Tự luận - Chấm điểm Bài tập nhóm	
6.2. Các loại nghiên cứu xã hội học	0.5	C3, C4, C5,C6	2			
6.3. Các bước tiến hành một nghiên cứu xã hội học	1	C3, C4, C5,C6	2			
6.4. Các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học	2	C3, C4, C5,C6	2			
6.5. Xây dựng một dự thảo nghiên cứu khoa học về chủ đề em quan tâm và	1	C2, C4, C5,C6				

thiết kế bảng hỏi cho đề tài đó.				trình, vấn đáp		
Tài liệu học tập và tham khảo: Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [2]; [6]						
Tổng	30					

Lưu ý: Phương pháp dạy học bao gồm: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai, động não, bài tập tình huống, tư duy....

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần

Ma trận đánh giá CDR của học phần

Các CDR của học phần	Mức năng lực	Điểm chuyên cần (20%)	Điểm tra đánh giá quá trình (30%)	Điểm cuối kỳ (50%)
C1	2	x	x	x
C 2	2	x	x	x
C3	2	x	x	x
C4	2	x	x	x
C5	2	x	x	x
C6	3	x	x	x

2. Rubric đánh giá học phần

* Điểm chuyên cần

Điểm chuyên cần = điểm Rubric 1 x 0,7 + điểm Rubric 2 x 0,3

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém < 4,0
Tham gia đầy đủ các buổi học, tiết học trên lớp	100	Tham dự từ 90-100% các buổi học lý thuyết trên lớp, hăng hái phát biểu trong giờ học	Tham dự từ 81-89% các buổi học lý thuyết trên lớp, ít phát biểu trong giờ học	Tham dự đủ buổi học theo qui định tối thiểu (80%) không phát biểu trong giờ học	Tham dự đủ buổi học theo qui định tối thiểu (80%) và mắc hai lỗi trong giờ học (mất trật tự, sử dụng điện thoại)	Tham dự đủ buổi học theo qui định tối thiểu (80%) và mắc ba lỗi trở lên trong giờ học (mất trật tự, sử dụng điện thoại)

Rubric 2: Bài tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Bài tập nhóm	100	Trả lời đúng 85-100% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng 70-84% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng 55-69% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng 40-54% yêu cầu của bài tập	Trả lời đúng dưới 40% yêu cầu của bài tập

*** Điểm đánh giá quá trình**

Điểm đánh giá quá trình = Điểm Rubric 3 x 1,0

Rubric 3: Bài thi giữa kì

Mô tả bài thi giữa kì (theo hình thức giao nhiệm vụ thảo luận nhóm): Giao nhiệm vụ/chủ đề cho nhóm sinh viên thực hiện bài báo cáo theo các nội dung đã học gắn với bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp. Sản phẩm báo cáo gồm: quá trình chuẩn bị của nhóm (ảnh hoặc video thảo luận nhóm hoặc nhật kí hoạt động nhóm); bài thuyết trình trên lớp; sản phẩm (theo yêu cầu của nhiệm vụ/chủ đề được giao) có thể là vở kịch/đóng vai, sản phẩm mô phỏng, sản phẩm thiết kế thực, tranh, ảnh, poster,...

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	GIỎI (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM <4,0
Hoạt động chuẩn bị của nhóm (Điểm nhóm)	40%	- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. - Thực hiện đúng kế hoạch. - Có sự phân công và cộng tác tốt giữa các thành viên trong nhóm.	- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. - Thực hiện đúng kế hoạch. - Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng sự phân chia công việc không đều hoặc có thành viên không làm việc.	- Xây dựng được kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. - Thực hiện chưa đúng kế hoạch. - Chưa có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm, phân chia công việc không đều vẫn có thành viên không làm việc.	- Không xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ - Không có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm cá nhân và báo cáo.	Các thành viên trong nhóm không hoạt động.

Trình bày bài báo cáo trên lớp (Điểm nhóm)	Chất lượng bài thuyết trình	25%	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung kiến thức đầy đủ, chính xác. Cách trình bày báo cáo lôi cuốn, rõ ràng, dễ hiểu. Có phân chia báo cáo đồng đều giữa các thành viên. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung kiến thức đầy đủ, chính xác. Trình bày chưa rõ ràng, mạch lạc. Có phân chia báo cáo nhưng không đồng đều giữa các thành viên. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung kiến thức chính xác nhưng còn thiếu. Trình bày chưa rõ ràng. Có phân chia báo cáo giữa các thành viên. 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung kiến thức chưa chính xác còn thiếu, Trình bày chưa rõ ràng. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên. 	Không thực hiện được bài thuyết trình
	Chất lượng sản phẩm	25%	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm đúng yêu cầu được giao. Có tính ứng dụng thực tiễn Hình thức đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm đúng yêu cầu được giao. Có tính ứng dụng thực tiễn Hình thức chưa đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm đúng nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu được giao. Có tính ứng dụng thực tiễn Hình thức chưa đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm đúng nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu được giao. Không có tính ứng dụng thực tiễn Hình thức chưa đạt yêu cầu 	Không có sản phẩm
Trả lời câu hỏi của giáo viên (Điểm cá nhân)	10%	Hiểu và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng về công việc được giao trong nhóm	Hiểu và trả lời được khoảng 70% về công việc được giao trong nhóm.	Hiểu và trả lời được khoảng 50% về công việc được giao trong nhóm.	Hiểu và trả lời được khoảng <50% nội dung câu hỏi chung về đề tài.	Không trả lời được câu hỏi	

*** Điểm cuối kỳ**

Điểm cuối kỳ = điểm Rubric 4 x 1,0

Rubric 4: Bài kiểm tra tự luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
----------	--------------	---------------	---------------	----------------------	--------------------------	----------

Điểm bài kiểm tra (tự luận)	100%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tự luận.	Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tự luận.
------------------------------------	------	---	--	--	--	---------------------------------------

** Điểm cuối kỳ*

Điểm cuối kỳ = điểm Rubric 5 (HOẶC 6) x 1,0

Rubric 5: Bài thi hết môn (VẤN ĐÁP)

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Kiến thức	50	Hiểu rõ và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thoả đáng câu hỏi giảng viên đưa ra	Trả lời được khoảng 70% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 50% về câu hỏi của giảng viên.	Trả lời được khoảng 30-40% về câu hỏi của giảng viên.	Không trả lời được câu nào
Kỹ năng	20	Hoạt động tích cực và trả lời câu hỏi lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	Hoạt động khá tích cực và trả lời câu hỏi khá lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học	Biết sử dụng kỹ năng thuyết trình nhưng chưa hiệu quả.	Ít sử dụng kỹ năng trong thuyết trình	Chưa biết sử dụng các kỹ năng thuyết trình
Trả lời câu hỏi phụ	20	Có tính thuyết phục, đảm bảo độ tin cậy	Đạt yêu cầu về nội dung	Đạt yêu cầu về nội dung nhưng thiếu logic	Có trả lời nhưng chưa đạt yêu cầu về nội dung	Không trả lời được
Điểm thưởng	10	Kết hợp tốt cả kiến thức, kỹ năng và trả lời tốt câu hỏi phụ	Biết kết hợp cả kiến thức, kỹ năng và trả lời	Chưa kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức và kỹ năng trong khi trả lời câu hỏi.	Không có điểm thưởng	Không có điểm thưởng

			được câu hỏi phụ			
--	--	--	------------------	--	--	--

Rubric 6: Bài thi hết môn (TIỂU LUẬN- TỰ LUẬN)

TIÊU CHÍ	TRỌNG SỐ (%)	TỐT (8,5-10)	KHÁ (7,0-8,4)	TRUNG BÌNH (5,5-6,9)	TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)	KÉM >4,0
Kiến thức	80	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày gần đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu	Trình bày được 1 nửa nội dung nghiên cứu.	Trình bày một phần nội dung nghiên cứu.	Trình bày chỉ một phần nhỏ của nội dung yêu cầu nghiên cứu.
Kỹ năng	10	Lập luận rõ ràng, phân tích tốt vấn đề	Lập luận khá rõ ràng, đã phân tích được vấn đề	Biết lập luận và chưa phân tích được vấn đề	Ít sử dụng kỹ năng trong giải quyết vấn đề	Chưa biết sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề
Điểm thưởng	10	Kết hợp tốt cả kiến thức, kỹ năng và trả lời tốt câu hỏi	Biết kết hợp cả kiến thức, kỹ năng và trả lời được câu hỏi	Chưa kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức và kỹ trong khi trả lời câu hỏi.	Không có điểm thưởng	Không có điểm thưởng

VIII. Tài liệu học tập (ghi rõ mã số của thư viện)

1. Giáo trình: Từ 1-3 GT

[1] Nguyễn Đỗ Hương Giang, Lèng Thị Lan, Cao Đức Minh, Giáo trình nội bộ *Xã hội học đại cương* (dự kiến xuất bản cuối 2020), Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

[2] Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh, *Xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2008.

Mã số thư viện: <http://old.lrc.tnu.edu.vn/Default.aspx?page=PrintBookDetail&SubId=70408>

2. Tài liệu tham khảo: từ 3-5 tài liệu

01. Tổng Văn Chung, *Xã hội học nông thôn*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

Mã số thư viện:

<http://old.lrc.tnu.edu.vn/Default.aspx?page=PrintBookDetail&SubId=93031>

02. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2011. Mã số thư viện:

<http://old.lrc.tnu.edu.vn/Default.aspx?page=PrintBookDetail&SubId=83918>

03. Nhóm dịch giả: Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hoá, *Từ điển Xã hội học Oxford*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2012. (Chưa có mã số thư viện)
04. Rechard T.Schaefer, *Xã hội học*, Người dịch: Huỳnh Văn Thanh, Nhà xuất bản Thống kê, 2005. (Chưa có mã số thư viện)
05. Mai Văn Hai, *Xã hội học văn hóa*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2011. Mã số thư viện: 306.4/HAI.
06. Nguyễn Xuân nghĩa, *Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, năm 2017. (Chưa có mã số thư viện)

IX. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học của học phần (tiết)			Tổng
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
Nội dung 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	5	0	15	20
Nội dung 2: Quan hệ xã hội và vai trò xã hội	5	0	15	20
Nội dung 3: Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	5	0	15	20
Nội dung 4: Văn hóa và quá trình xã hội hóa	5	0	15	20
Nội dung 5: Biến đổi xã hội nông thôn và vấn đề xây dựng nông thôn mới hiện nay	5	0	15	20
Nội dung 6: Một số phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học	5	0	15	20
Tổng	30	0	90	120

X: Định hướng nội dung nghiên cứu của học phần:

- Vấn đề vai trò và vị thế của sinh viên trong xã hội hiện đại
- Vấn đề bất bình đẳng xã hội (đặc biệt ở khu vực nông thôn)
- Vấn đề phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay
- Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc dưới tác động của quá trình toàn cầu hoá.
- Vấn đề biến đổi xã hội nông thôn
- Vấn đề xây dựng nông thôn mới

XI. Yêu cầu của giảng viên về cơ sở vật chất để giảng dạy học phần:

- Phòng học: đầy đủ bàn ghế, đủ không gian thảo luận nhóm, thoáng, sạch
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Giấy A4, A0, bút dạ, bút màu, máy chiếu, mạng wifi...

- Đối với sinh viên: Sinh viên cần bám sát nội dung trong đề cương bài giảng (giáo trình) để học tập. Cố gắng ghi chép tối đa thông tin giáo viên truyền đạt trên lớp. Trong quá trình tham gia học tập trên lớp phát huy tối đa khả năng tư duy logic, trình bày và thảo luận trao đổi vấn đề. Ngoài ra, khuyến khích sinh viên đọc thêm các tài liệu tham khảo liên quan tới học phần môn học. Cuối mỗi chương học, yêu cầu sinh viên tóm tắt nội dung môn học bằng sơ đồ cây.

XII. Ngày phê duyệt lần đầu: 28/03/2020

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Đỗ Hương Giang

XIII. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết (hàng năm)

<p>Lần 1: Ngày 10 tháng 07 năm 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt nội dung cập nhật: Cắt bỏ chương 2: Một số nhà xã hội học tiêu biểu - Lý do cập nhật, bổ sung: Cắt giảm nội dung môn học phù hợp 2 tín chỉ. 	<p>Người cập nhật</p> <p>Nguyễn Đỗ Hương Giang Trưởng Bộ môn</p> <p>Dương Thị Kim Huệ</p>
<p>Lần 2: Ngày 14 tháng 09 năm 2015</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt nội dung cập nhật: Cắt bỏ nội dung chương 6: Phương pháp nghiên cứu xã hội học - Lý do cập nhật, bổ sung: Cắt giảm và điều chỉnh phù hợp với thay đổi của yêu cầu học phần 	<p>Người cập nhật</p> <p>Nguyễn Đỗ Hương Giang Trưởng Bộ môn</p> <p>Dương Thị Kim Huệ</p>
<p>Lần 3: Ngày 15 tháng 09 năm 2018</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt nội dung cập nhật: Điều chỉnh nội dung: Số tín chỉ 02. Nội dung: Điều chỉnh nội 	<p>Người cập nhật</p>

<p>dung theo hướng gắn với chuyên ngành: - Lý do cập nhật, bổ sung: Điều chỉnh theo chuẩn AUN.</p>	<p>Nguyễn Đỗ Hương Giang</p> <p>Trưởng Bộ môn</p> <p>Dương Thị Kim Huệ</p>
<p>Lần 4: Ngày 19 tháng 11 năm 2020 - Tóm tắt nội dung cập nhật: Điều chỉnh toàn bộ ĐCCT theo mẫu mới. - Lý do cập nhật, bổ sung: Điều chỉnh theo chương trình đào tạo trọng điểm trình độ đại học theo định hướng Chất lượng cao.</p>	<p>Người cập nhật</p> <p>Nguyễn Đỗ Hương Giang</p> <p>Trưởng Bộ môn</p> <p>Dương Thị Kim Huệ</p>